



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ  
QUỐC GIA VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ  
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 351 /DVKT-VP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2016

V/v công bố Báo cáo tài chính  
Công ty mẹ đã kiểm toán 2015

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
2. Mã chứng khoán: **PVS**
3. Trụ sở chính : Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
4. Điện thoại : 08.3910 2828 Fax: 08.3910 2929
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Đức Thủy
6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính Công ty mẹ 2015 đã kiểm toán của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam được lập ngày 15/3/2016, bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: [www.ptsc.com.vn](http://www.ptsc.com.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGD (để b/c);
- Website: [www.ptsc.com.vn](http://www.ptsc.com.vn);
- Lưu VT, TK. HĐQT.

**TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Người công bố thông tin



**Nguyễn Đức Thủy**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT  
DẦU KHÍ VIỆT NAM (CÔNG TY MẸ)**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

0100  
CÔNG C  
CỔ T  
H VỤ  
ĐÃ  
VIỆ  
7 TP

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 45



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty mẹ") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty mẹ trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dân	Thành viên
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên
Ông Đoàn Minh Mão	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Mậu	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Thanh Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Hoan	Phó Tổng Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty mẹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

150  
ÔNG  
HÀ  
KỶ T  
J KH  
NA  
HỒ  
CHI N  
CÔN  
CH NH  
JELI  
VIỆT  
- T

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty mẹ ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty mẹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty mẹ đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phan Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam *lau*

*Cuy*

10-0  
HÀN  
G T  
M H  
IT  
NA  
HỒ

Số: 330 /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:**  
**Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty mẹ") được lập ngày 15 tháng 3 năm 2016, từ trang 5 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty mẹ liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty mẹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.





**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)**

*Vấn đề cần nhấn mạnh*

Chúng tôi xin lưu ý đến các điều chỉnh liên quan đến việc trình bày lại báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được đề cập tại Thuyết minh số 4 trong bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Theo ý kiến của chúng tôi các điều chỉnh này đã được thực hiện phù hợp và đầy đủ.



*Phó Tổng Giám đốc*  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0138-2013-001-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Ngày 15 tháng 3 năm 2016  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Đào Thái Thịnh**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1867-2013-001-1



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Mẫu B 01-DN**

Đơn vị: VND

31/12/2014

(Trình bày lại)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>8.018.911.529.258</b>	<b>8.629.064.440.061</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>2.843.957.664.750</b>	<b>2.886.089.176.704</b>
1. Tiền	111		579.792.096.900	811.389.176.704
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.264.165.567.850	2.074.700.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.866.400.727.919</b>	<b>5.595.327.656.773</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.889.274.386.826	3.082.512.944.652
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		363.198.858.553	289.622.887.866
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		4.765.479.848	-
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11	28.757.555.368	36.515.902.584
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.655.335.602.855	2.218.687.730.036
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(74.931.155.531)	(32.011.808.365)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>42.375.664.581</b>	<b>113.450.963.891</b>
1. Hàng tồn kho	141		45.000.990.741	115.500.394.986
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.625.326.160)	(2.049.431.095)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>266.177.472.008</b>	<b>34.196.642.693</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	3.131.015.303	5.942.743.609
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		263.027.946.331	28.253.899.084
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		18.510.374	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>7.513.820.205.446</b>	<b>7.226.607.496.205</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>58.242.848.743</b>	<b>98.703.989.923</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		56.227.502.258	64.212.715.425
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	11	-	27.386.928.007
3. Phải thu dài hạn khác	216		2.015.346.485	7.104.346.491
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.369.879.208.916</b>	<b>978.101.396.738</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.360.056.532.750	972.428.531.554
- Nguyên giá	222		4.723.309.564.582	4.037.652.346.224
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.363.253.031.832)	(3.065.223.814.670)
2. Tài sản cố định vô hình	227		9.822.676.166	5.672.865.184
- Nguyên giá	228		22.538.296.151	15.537.644.551
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.715.619.985)	(9.864.779.367)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>327.151.094.548</b>	<b>355.727.376.106</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	13	301.308.440.489	274.173.592.409
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	25.842.654.059	81.553.783.697
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5.227.328.694.945</b>	<b>5.443.168.799.876</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	3.174.145.390.070	2.920.083.892.070
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	15	2.458.209.740.787	2.798.733.240.787
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	13.000.000.000	96.283.043.710
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	17	(418.026.435.912)	(371.931.376.691)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>531.218.358.294</b>	<b>350.905.933.562</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	422.386.986.842	323.304.064.565
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	58.775.736.541	27.549.832.953
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		50.055.634.911	52.036.044
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>15.532.731.734.704</b>	<b>15.855.671.936.266</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

**Báo cáo tài chính riêng**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Mẫu B 01-DN**

Đơn vị: VND

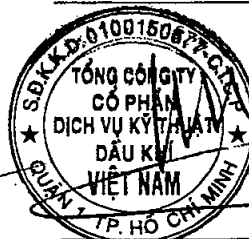
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
				(Trình bày lại)
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.760.442.773.984</b>	<b>8.357.202.932.431</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.618.630.656.618</b>	<b>6.083.384.876.002</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	2.321.463.282.811	2.455.798.702.626
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		571.988.342.001	780.121.116.300
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	66.349.386.344	177.844.632.951
4. Phải trả người lao động	314		53.435.972.316	116.127.833.491
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	657.492.808.780	641.789.729.148
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		20.520.328.878	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		5.062.762.632	-
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	972.361.851.897	1.089.631.707.063
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	641.452.894.154	617.974.067.223
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		69.013.443.890	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		239.489.582.915	204.097.087.200
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.141.812.117.366</b>	<b>2.273.818.056.429</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	19	66.267.935.109	132.535.870.219
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		1.226.805.535.537	1.029.858.268.584
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		4.113.968.860	-
4. Phải trả dài hạn khác	337		12.050.000	12.050.000
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	814.809.481.762	1.081.608.721.528
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		29.803.146.098	29.803.146.098
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>7.772.288.960.720</b>	<b>7.498.469.003.835</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>7.772.288.960.720</b>	<b>7.498.469.003.835</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.467.004.210.000	4.467.004.210.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		39.617.060.000	39.617.060.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.295.955.996.746	1.792.434.026.148
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		969.711.693.974	1.199.413.707.687
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		18.092.712.462	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		951.618.981.512	1.199.413.707.687
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>15.532.731.734.704</b>	<b>15.855.671.936.266</b>



Nguyễn Quang Chánh  
Người lập biểu




Nguyễn Xuân Cường  
Kế toán trưởng



Phan Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam 

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

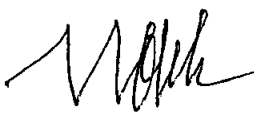
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	
			Năm 2015	(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	12.196.432.922.062	12.749.899.516.669
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	27	12.196.432.922.062	12.749.899.516.669
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	11.268.091.885.640	11.645.938.975.512
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		928.341.036.422	1.103.960.541.157
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	847.817.912.959	717.914.163.875
6. Chi phí tài chính	22	31	267.591.773.430	114.032.033.304
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		34.184.733.035	46.498.400.759
7. Chi phí bán hàng	25	32	61.842.789.104	57.765.331.767
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	403.656.748.074	377.970.969.227
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		1.043.067.638.773	1.272.106.370.734
10. Thu nhập khác	31		58.465.774.014	134.925.332.236
11. Chi phí khác	32		35.476.788.744	6.050.396.941
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	33	22.988.985.270	128.874.935.295
13. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		1.066.056.624.043	1.400.981.306.029
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	145.663.546.119	221.344.138.445
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	18	(31.225.903.588)	(19.776.540.103)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		951.618.981.512	1.199.413.707.687



Nguyễn Quang Chánh  
 Người lập biểu




Nguyễn Xuân Cường  
 Kế toán trưởng



Phan Thanh Tùng  
 Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam 

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

**Báo cáo tài chính riêng**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Mẫu B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	
		Năm 2015	(Trình bày lại)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	1.066.056.624.043	1.400.981.306.029
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	331.112.907.869	360.170.805.400
Các khoản dự phòng	03	158.603.745.342	558.088.826
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	38.278.818.096	19.398.915.443
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(756.894.385.068)	(702.113.664.857)
Chi phí lãi vay	06	34.184.733.035	46.498.400.759
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	871.342.443.317	1.125.493.851.600
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	563.694.146.179	(888.164.139.289)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(6.639.042.702)	20.252.675.560
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(474.237.437.976)	626.868.284.281
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(96.271.193.971)	1.856.649.432
Tiền lãi vay đã trả	14	(61.180.951.158)	(86.565.872.133)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(216.277.354.492)	(188.603.579.519)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	5.541.845.467	67.778.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(116.345.468.625)	(106.045.751.449)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	469.626.986.039	505.159.896.483
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định	21	(475.892.733.543)	(37.716.596.267)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	4.348.706.671	10.156.481.000
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	37.374.145.852	-
4. Đầu tư vào các công ty khác và đầu tư dài hạn khác	25	(38.412.998.000)	(14.971.200.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	47.524.303.246	36.197.370.505
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	737.340.827.118	691.847.030.462
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	312.282.251.344	685.513.085.700

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

**Báo cáo tài chính riêng**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**Mẫu B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	
		Năm 2015	(Trình bày lại)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	322.555.841.041	5.463.872.936
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(625.302.014.649)	(704.316.141.026)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(531.565.593.880)	(535.741.247.835)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(834.311.767.488)</i>	<i>(1.234.593.515.925)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(52.402.530.105)	(43.920.533.742)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.886.089.176.704	2.924.233.070.863
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	10.271.018.151	5.776.639.583
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	2.843.957.664.750	2.886.089.176.704


Nguyễn Quang Chánh  
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cường  
Kế toán trưởngPhan Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam *Ulla*

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHAI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty mẹ”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015198 cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 6 số 0100150577 ngày 22 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 20 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PVS. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tập đoàn”) là cổ đông chính của Công ty mẹ.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.097 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.009 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Kinh doanh dịch vụ dầu khí; Quản lý, kinh doanh, Khai thác các tàu dịch vụ dầu khí; Dịch vụ căn cứ Cảng; Dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ kiểm đếm và giao nhận vận chuyển hàng hóa; Quản lý kinh doanh và Khai thác các tàu chứa dầu (FSO), tàu chứa và xử lý dầu (FPSO); Quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ khí hàng hải; Gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí; Chế tạo và lắp đặt các loại bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng và các loại đường ống dẫn dầu, dẫn khí; Sửa chữa tàu biển và các công trình dầu khí biển; Dịch vụ khảo sát địa vật lý, địa chất công trình, dịch vụ lặn, khảo sát bằng thiết bị ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, Khai thác dầu khí và các công trình công nghiệp, dân dụng; Bảo dưỡng, sửa chữa, đóng mới, hoán cải các phương tiện nổi; Xuất nhập khẩu thiết bị và vật tư dầu khí; Sản xuất, cung cấp vật tư thiết bị dầu khí; Cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí; Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình Khai thác dầu khí; Kinh doanh khách sạn, nhà ở, văn phòng làm việc và dịch vụ sinh hoạt dầu khí; Kinh doanh các sản phẩm dầu khí; Dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; Dịch vụ thuê tàu, môi giới tàu biển, lai dắt tàu biển và cứu hộ; sản xuất mua bán các sản phẩm dầu khí, phân đạm và hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ hóa chất Nhà nước cấm)...

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty mẹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam có 7 Chi nhánh trực thuộc, 12 Công ty con và 6 Công ty liên doanh, liên kết như sau:

**Chi nhánh**

- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Xây dựng PTSC
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt Điện Long Phú
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình

12.800  
H. NH.  
ÔNG  
NHIỆM  
LỢI  
T. N.  
TP. HỒ

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Công ty con**

- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát Công trình ngầm PTSC
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC
- Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV
- Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa
- Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch Vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu Khí Sao Mai – Bến Đình

**Công liên doanh, liên kết**

- Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12
- Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Limited
- Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Terminal Limited
- Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Pte. Limited
- Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte. Limited
- Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty mẹ đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư số 200/2014/TT-BTC thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên Báo cáo tài chính riêng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty mẹ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty mẹ; vì thế, Công ty mẹ không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty mẹ được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty mẹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

002  
NH  
TY  
IUU.H.  
TE  
IM  
CHI

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

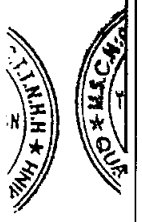
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI****Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư số 200/2014/TT-BTC thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**4. TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA NĂM TRƯỚC**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được trình bày lại để thực hiện các điều chỉnh theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước ("KTNN") tại Báo cáo kiểm toán ngày 25 tháng 02 năm 2016. Những thay đổi trong một số khoản mục của Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được thể hiện trong bảng sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014		
			Số đã báo cáo	Số trình bày lại theo KTNN	Thay đổi thuần (tăng)/giảm
<b>I. Tài sản</b>					
	1. Phải thu khách hàng	131	3.026.058.643.742	3.082.512.944.652	(56.454.300.910)
	2. Các khoản phải thu khác	135	2.216.746.091.599	2.217.163.079.399	(416.987.800)
	3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(32.745.634.640)	(32.011.808.365)	(733.826.275)
	4. Hàng tồn kho	141	381.948.376.639	389.726.023.439	(7.777.646.800)
	5. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	3.988.264.259	5.942.743.609	(1.954.479.350)
	6. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	28.279.579.996	28.253.899.084	25.680.912
	7. Tài sản cố định vô hình	227	5.218.305.184	5.672.865.184	(454.560.000)
	- Nguyên giá	228	15.083.084.551	15.537.644.551	(454.560.000)
<b>II. Nguồn vốn</b>					
	1. Phải trả người bán	312	2.462.276.707.818	2.455.798.702.626	6.478.005.192
	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	167.501.974.665	177.844.632.951	(10.342.658.286)
	3. Chi phí phải trả	316	593.090.139.653	641.789.729.148	(48.699.589.495)
	4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	1.092.522.541.891	1.089.631.707.063	2.890.834.828
	5. Lợi nhuận chưa phân phối	420	1.181.320.995.225	1.199.413.707.687	(18.092.712.462)



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

		Năm 2014		
		Số đã báo cáo	Số trình bày lại	Thay đổi thuần (tăng)/giảm
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>			
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	12.698.577.424.933	12.749.899.516.669	(51.322.091.736)
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	11.606.800.181.717	11.645.938.975.512	(39.138.793.795)
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	379.721.992.840	377.970.969.227	1.751.023.613
4. Thu nhập khác	31	125.556.492.216	134.925.332.236	(9.368.840.020)
5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	216.133.689.333	221.344.138.445	(5.210.449.112)
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>				
<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.377.678.144.455	1.400.981.306.029	(23.303.161.574)
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Các khoản dự phòng	03	1.291.915.101	558.088.826	733.826.275
Thay đổi các khoản phải thu	09	(825.717.088.713)	(888.164.139.289)	62.447.050.576
Thay đổi hàng tồn kho	10	28.030.322.360	20.252.675.560	7.777.646.800
Thay đổi các khoản phải trả	11	582.405.325.632	626.868.284.281	(44.462.958.649)
Thay đổi chi phí trả trước	12	3.811.128.782	1.856.649.432	1.954.479.350

**5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty mẹ áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty mẹ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, phải thu về cho vay, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty mẹ bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty mẹ được trích lập theo các Quy định kế toán hiện hành.

*Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết*

*Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty mẹ kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

*Góp vốn liên doanh*

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty mẹ và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty mẹ ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty mẹ hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

2500-0  
NHÂN  
NG T  
HIỆM H  
CITY  
T NAI  
P. HỒ

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

**Báo cáo tài chính riêng**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty mẹ không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí dịch vụ mua ngoài, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

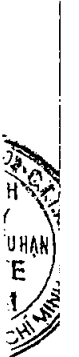
**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng và tài sản khác	03 - 05

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn và các phần mềm quản lý được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao theo quy định hiện hành. Phần mềm quản lý được phân bổ trong 3 năm.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty mẹ. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện khoản chi phí thuê văn phòng tòa nhà số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng tại tòa nhà số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu từ tháng 10 năm 2010, thời hạn 50 năm. Công ty mẹ phân bổ khoản tiền thuê này vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các công cụ dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty mẹ với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

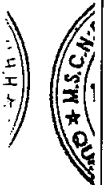
*Công ty mẹ là bên cho thuê:* Doanh thu từ các khoản cho thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Công ty mẹ là bên đi thuê:* Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty mẹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty mẹ không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty mẹ sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



*MOK*

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty mẹ có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ngoại tệ**

Công ty mẹ áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty mẹ có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty mẹ có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

*MAN*

100172  
CHI  
CỔ  
HÁCH N  
DEI  
VIỆ  
1-1

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty mẹ có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty mẹ có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty mẹ căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	4.465.758.298	2.640.925.380
Tiền gửi ngân hàng	568.606.698.761	808.748.251.324
Tiền đang chuyển	6.719.639.841	-
Các khoản tương đương tiền	2.264.165.567.850	2.074.700.000.000
	<b>2.843.957.664.750</b>	<b>2.886.089.176.704</b>

Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trong nước có thời hạn gửi dưới 3 tháng với lãi suất từ 4%/năm đến 5,3%/năm.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	385.660.891.397	284.619.965.296
Công ty Điều hành chung Lam Sơn	392.380.965.986	277.484.054.811
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	202.508.592.106	370.588.291.784
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	483.710.619.276	442.519.421.436
Các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng khác	1.425.013.318.061	1.707.301.211.325
	<b>2.889.274.386.826</b>	<b>3.082.512.944.652</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

**Báo cáo tài chính riêng**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
Phải thu từ các Công ty con (i)	821.690.206.643	883.897.493.204
Công ty Saipem Asia Sdn Bhd (ii)	7.033.848.822	11.691.853.169
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1 (iii)	12.575.464.419	587.655.082.100
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch (iv)	230.819.875.570	230.819.875.570
Công ty TNHH Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (v)	124.740.417.492	124.740.417.492
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (vi)	40.811.003.545	16.850.156.471
Công ty Điều hành Dầu khí Biên Đông (Bien Dong POC)	12.624.211.512	2.322.297.651
Ban Quản lý dự án công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	90.847.767.158	52.345.374.030
Tổ hợp nhà thầu JGCS (vii)	160.751.821.743	75.200.802.393
Công ty SK Engineering & Construction Co., Ltd	-	24.961.765.703
Talisman Malaysia Limited	13.111.566.397	56.924.499.844
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (viii)	5.618.032.041	89.385.784.972
Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (ix)	77.003.500.000	-
Phải thu khác	57.707.887.513	61.892.327.437
	<b><u>1.655.335.602.855</u></b>	<b><u>2.218.687.730.036</u></b>

- (i) Phải thu từ các Công ty con thể hiện khoản công nợ phải thu nội bộ giữa Công ty mẹ với các Công ty con. Trong đó bao gồm các khoản phải thu từ việc chuyển nhượng tài sản và các khoản giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ với các Công ty con.
- (ii) Khoản phải thu từ Công ty Saipem Asia Sdn Bhd là khoản chi hộ của dịch vụ đại lý tàu biển mà Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí thực hiện cho Công ty Saipem Asia Sdn Bhd.
- (iii) Khoản phải thu từ Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1 - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm khoản phải thu từ doanh thu trích trước theo tiến độ hoàn thành mốc 8 của hợp đồng EPC - Các hạng mục công trình phục vụ cho thi công giai đoạn 1 cho Nhà máy Nhiệt điện Long Phú.
- (iv) Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch thể hiện khoản phải thu liên quan đến việc chuyển giao giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch mà Công ty mẹ nhận bàn giao từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tập đoàn") theo Nghị quyết số 7090/NQ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Nghị quyết số 2047/NQ-DVKT-HDQT ngày 05 tháng 7 năm 2011 của Công ty mẹ. Khoản phải thu này có thể được điều chỉnh và được bù trừ với khoản công nợ phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến dự án này (xem Thuyết minh số 22) sau khi việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch được phê duyệt chính thức.
- (v) Khoản phải thu Công ty TNHH Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất bao gồm số tiền phải thu liên quan đến chuyển nhượng 15 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện nổi PTSC. Khoản phải thu này có thể được bù trừ với khoản công nợ phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến dự án này sau khi việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch được phê duyệt chính thức.
- (vi) Khoản phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam gồm số tiền trích trước doanh thu của các dịch vụ đã cung cấp thuộc dự án PVN12.
- (vii) Khoản phải thu Tổ hợp nhà thầu JGCS là số tiền trích trước doanh thu của các dịch vụ đã thực hiện trong quý 4/2015 cho dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

- (viii) Khoản phải thu Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd là khoản doanh thu trích trước dự án cho Lam Sơn thuê tàu FPSO – Phần thuê nhà thầu tháng 8, tháng 9 năm 2015 theo quy định của Hợp đồng.
- (ix) Khoản phải thu Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited là khoản phải thu về cổ tức được chia của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo thông báo của Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		31/12/2014 (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	58.564.599	-
Nguyên liệu, vật liệu	12.417.421.621	(2.625.326.160)	74.048.234.971	(2.049.431.095)
Công cụ, dụng cụ	1.132.642.413	-	683.140.204	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	28.263.391.895	-	35.370.616.719	-
Hàng hoá	3.187.534.812	-	5.339.838.493	-
	<b>45.000.990.741</b>	<b>(2.625.326.160)</b>	<b>115.500.394.986</b>	<b>(2.049.431.095)</b>

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chủ yếu là chi phí của Dự án Nạo vét cảng Nghi Sơn có giá trị là 3.915.132.148 đồng và dầu nhớt tồn trên các tàu dịch vụ có giá trị là 24.348.259.747 đồng.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Trình bày lại) VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Các khoản trả trước phục vụ sản xuất kinh doanh	3.131.015.303	5.942.743.609
	<b>3.131.015.303</b>	<b>5.942.743.609</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn	308.895.368.087	313.390.953.975
Chi phí giải phóng mặt bằng tại Cảng Sơn Trà	105.042.820.015	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	8.448.798.740	9.913.110.590
	<b>422.386.986.842</b>	<b>323.304.064.565</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

**Báo cáo tài chính riêng**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***11. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

Khoản thu về cho vay dài hạn thể hiện khoản cho vay Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12 được hưởng lãi suất BBA LIBOR cộng biên độ cố định và sẽ được hoàn trả hết vào ngày 30 tháng 9 năm 2016. Khoản cho vay nói trên được thực hiện theo thỏa thuận của Hợp đồng số 235-2006/PTSC-TCKT/MDV ngày 22 tháng 11 năm 2006 với Công ty Liên doanh Rông Đồi MV Pte, Ltd., và không có bảo đảm. Mục đích của khoản cho vay này nhằm cung cấp vốn đóng mới tàu "Rông Đồi MV12" (FSO). Chi tiết khoản phải thu về cho vay được trình bày như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	USD	VND tương đương	USD	VND tương đương
<b>a. Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>				
Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12	1.280.960	28.757.555.368	1.707.947	36.515.902.584
	<u>1.280.960</u>	<u>28.757.555.368</u>	<u>1.707.947</u>	<u>36.515.902.584</u>
<b>b. Phải thu về cho vay dài hạn</b>				
Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12	-	-	1.280.960	27.386.928.007
	-	-	<u>1.280.960</u>	<u>27.386.928.007</u>
	<u>1.280.960</u>	<u>28.757.555.368</u>	<u>2.988.907</u>	<u>63.902.830.591</u>





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2015	983.070.056.247	80.895.421.765	51.934.430.091	2.921.752.438.121	-	4.037.652.346.224
Tăng trong năm	-	10.021.758.849	8.784.261.600	381.451.908.996	135.636.364	400.393.565.809
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	74.598.590.824	94.833.457	397.592.636	-	-	75.091.016.917
Tăng do mua bán, chuyển đổi hình thức sở hữu	197.674.815.458	2.895.695.716	87.248.394	39.687.109.042	1.342.764.728	241.687.633.338
Tăng khác	3.376.504.403	21.705.145.637	-	-	-	25.081.650.040
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(986.935.653)	(22.117.196.038)	-	(23.104.131.691)
Giảm khác	-	-	-	(33.492.516.055)	-	(33.492.516.055)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>1.258.719.966.932</b>	<b>115.612.855.424</b>	<b>60.216.597.068</b>	<b>3.287.281.744.066</b>	<b>1.478.401.092</b>	<b>4.723.309.564.582</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2015	506.757.924.078	39.409.554.059	40.004.782.037	2.479.051.554.496	-	3.065.223.814.670
Khấu hao trong năm	76.568.582.939	10.807.628.882	7.729.435.532	233.136.869.157	19.550.741	328.262.067.251
Tăng do mua bán, chuyển đổi hình thức sở hữu	4.777.780.541	148.220.967	18.359.717	4.166.727.744	78.508.425	9.189.597.394
Tăng khác	-	18.314.549.099	-	-	-	18.314.549.099
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(986.935.653)	(22.117.196.038)	-	(23.104.131.691)
Giảm khác	(3.004.607.428)	-	-	(31.628.257.463)	-	(34.632.864.891)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>585.099.680.130</b>	<b>68.679.953.007</b>	<b>46.765.641.633</b>	<b>2.662.609.697.896</b>	<b>98.059.166</b>	<b>3.363.253.031.832</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>673.620.286.802</b>	<b>46.932.902.417</b>	<b>13.450.955.435</b>	<b>624.672.046.170</b>	<b>1.380.341.926</b>	<b>1.360.056.532.750</b>
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>476.312.132.169</b>	<b>41.485.867.706</b>	<b>11.929.648.054</b>	<b>442.700.883.625</b>	<b>-</b>	<b>972.428.531.554</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

**Báo cáo tài chính riêng**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Giảm khác thể hiện giá trị tài sản điều chuyển nội bộ giữa Công ty mẹ và các công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty mẹ là 1.848 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.306 tỷ đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty mẹ đã thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho một số khoản vay ngân hàng với nguyên giá là 1.973 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.661 tỷ đồng).

Tài sản tăng do mua bán, chuyển đổi hình thức sở hữu: là tài sản cố định của Công ty TNHH MTV Cảng Tổng hợp – Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà khi thực hiện sát nhập vào Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam – Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng theo Nghị quyết số 906/NQ-DVKT-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty mẹ đã ban hành ngày 15 tháng 12 năm 2015.

**13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi
		VND		VND
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	301.308.440.489	301.308.440.489	274.173.592.409	274.173.592.409
	<b>301.308.440.489</b>	<b>301.308.440.489</b>	<b>274.173.592.409</b>	<b>274.173.592.409</b>

b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Dự án Bến số 2 - Cảng Tổng hợp Dung Quất	-	51.440.892.500
Hệ thống thu gom và Trạm xử lý nước thải tập trung	-	15.746.865.753
Tòa nhà PTSC Tower Vũng Tàu	-	8.620.653.020
Nhà văn phòng chi nhánh Hà Nội	-	2.784.490.476
Cải tạo xử lý nước thải Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu	1.413.480.790	1.047.770.000
Cải tạo Nhà hàng tầng 1 Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu	17.995.830.691	-
Cải tạo và nâng cấp kho lưu trữ tài liệu	2.173.867.943	-
Gara sửa xe và hàng rào tại Cảng Hòn La	1.262.545.814	-
Hệ thống truyền hình	1.733.200.000	-
Khác	1.263.728.821	1.913.111.948
	<b>25.842.654.059</b>	<b>81.553.783.697</b>

01  
TỔNG  
C  
CH V  
D  
V  
J-002  
IÁNH  
TY  
: HUU  
TTE  
IAM  
CỦ

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	31/12/2015		31/12/2014	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm dầu khí PTSC	100,00%	300.000.000.000	100,00%	300.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	100,00%	628.160.788.070	100,00%	628.160.788.070
Công ty Cổ phần Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	84,95%	339.807.000.000	84,95%	339.807.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	51,00%	102.000.000.000	51,00%	102.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	95,19%	285.581.000.000	95,19%	285.581.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	54,69%	218.773.000.000	54,69%	218.773.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	59,61%	208.645.000.000	59,61%	208.645.000.000
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	100,00%	20.000.000.000	100,00%	20.000.000.000
Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt nam	51,00%	15.300.000.000	51,00%	15.300.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	51,00%	204.000.000.000	51,00%	204.000.000.000
Công ty TNHH Khảo sát Địa Vật lý PTSC CGGV	51,00%	597.817.104.000	51,00%	597.817.104.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (i)	51,00%	254.061.498.000	-	-
		<b>3.174.145.390.070</b>		<b>2.920.083.892.070</b>

- (i) Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình là Công ty cổ phần được thành lập từ vốn góp của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và các cổ đông khác theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 49121000147 ngày 27 tháng 9 năm 2012 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp với vốn điều lệ là 500.000.000.000 đồng. Trong năm 2015, Công ty mẹ đã đầu tư thêm 38.412.998.000 đồng, tăng tổng vốn góp của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 254.061.498.000 đồng, tương đương 51% vốn điều lệ. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình chính thức trở thành công ty con của Công ty mẹ kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2015.

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

Tên công ty	31/12/2015		31/12/2014	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND
Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12	33,00%	106.022.400	33,00%	106.022.400
Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (i)	49,00%	292.324.455.887	49,00%	292.324.455.887
Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (ii)	60,00%	583.995.300.000	60,00%	583.995.300.000
Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (iii)	51,00%	340.800.232.500	51,00%	340.800.232.500
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (iv)	51,00%	1.069.026.300.000	51,00%	1.069.026.300.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	-	-	42,05%	215.648.500.000
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp - Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà (v)	-	-	49,95%	124.875.000.000
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí	28,75%	171.957.430.000	28,75%	171.957.430.000
		<b>2.458.209.740.787</b>		<b>2.798.733.240.787</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

- (i) Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (MVOT) là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập giữa Công ty mẹ và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhad từ năm 2009 để đầu tư kho nổi FSO "Orkid" sức chứa 650.000 thùng dầu để cho khách hàng Talisman Malaysia Limited thuê trong vòng 10 năm, phục vụ khai thác dầu ngoài khơi tại khu vực chồng lấn thương mại PM-3 giữa Việt Nam và Malaysia. Kho nổi FSO "Orkid" đã đi vào hoạt động từ năm 2009.
- (ii) Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập giữa Công ty mẹ và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhad từ năm 2009, trong đó Công ty mẹ chiếm 60% vốn để sở hữu, quản lý, và khai thác kho nổi chứa dầu FPSO "Ruby II" phục vụ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của khách hàng Petronas. Từ tháng 6 năm 2010, kho nổi "FPSO Ruby II" đã bắt đầu hoạt động và đưa vào vận hành khai thác.
- (iii) Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (PTSC SEA) là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập trong tháng 9 năm 2011 bởi Công ty mẹ cùng đối tác Yinson Holding Berhad theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 474/BKHĐT-ĐTRNN ngày 31 tháng 10 năm 2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đầu tư đóng mới và cho thuê kho nổi chứa, xuất dầu (FSO) cho Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BDPOC) thuê phục vụ khai thác dầu, khí tại lô 05.2 và lô 05.3 ngoài khơi Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 149.318.329 Đô la Mỹ, tương đương 3.071.478.027.530 đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 37.329.582 Đô la Mỹ chiếm 25% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó, Công ty mẹ góp là 19.038.087 Đô la Mỹ, tương đương 391.613.449.590 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty mẹ đã thực hiện góp vốn vào Liên doanh PTSC SEA là 16.320.000 Đô la Mỹ, tương đương 340.800.232.500 đồng.
- (iv) Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (PTSC AP) là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập trong năm 2012 bởi Công ty mẹ cùng đối tác Yinson Holding Berhad theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 561/BKHĐT-ĐTRNN ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để góp vốn đầu tư kinh doanh kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu (FPSO) cho Công ty Điều hành chung Lam Sơn (Lam Sơn JOC) thuê phục vụ phát triển lô 01/97 và lô 02/97 thuộc vùng trũng Cửu Long tại vùng biển Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 429.977.481 Đô la Mỹ, tương đương 9.113.372.709.795 đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 119.996.426 Đô la Mỹ chiếm 27,90% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó, Công ty mẹ góp là 61.198.177 Đô la Mỹ, tương đương 1.272.922.081.600 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty mẹ đã thực hiện góp vốn vào Liên doanh PTSC AP là 51.000.000 Đô la Mỹ, tương đương 1.069.026.300.000 đồng.
- (v) Ngày 24 tháng 11 năm 2015, Hội đồng Quản trị Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 864/NQ-DVKT-HĐQT về việc chuyển đổi Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp – Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà thành Công ty TNHH Một Thành viên. Ngày 15 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty mẹ đã ban hành Nghị quyết số 906/NQ-DVKT-HĐQT về việc giải thể Công ty TNHH MTV Cảng Tổng hợp – Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà và bàn giao tài sản và công nợ cho Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam – Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty mẹ đã thực hiện thủ tục giải thể Công ty TNHH MTV Cảng Tổng hợp – Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà và giao chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam – Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng tiếp nhận nguyên trạng toàn bộ tài sản và công nợ của Công ty TNHH MTV Cảng Tổng hợp – Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà.

918  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
0112  
CHI CỘ  
CHÍNH ĐỆ  
VIỆ  
1-7

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam (*)	-	23.126.510.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam (*)	-	10.329.990.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn nhân lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (*)	-	2.815.343.710
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức (**)	-	47.011.200.000
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.000.000.000	3.000.000.000
	<b>13.000.000.000</b>	<b>96.283.043.710</b>

(\*) Theo Nghị quyết số 136/NQ-DVKT-HDQT ngày 04 tháng 02 năm 2015, Công ty mẹ đã phê duyệt phương án tái cấu trúc Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam, Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương và Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn nhân lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty mẹ đã thực hiện thoái vốn hoàn toàn 03 Công ty gồm: Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam, Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn nhân lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam.

(\*\*) Theo Nghị quyết số 912/NQ-DVKT-HDQT ngày 18 tháng 12 năm 2015, Công ty mẹ đã thoái vốn Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức cho các cổ đông bên ngoài theo hình thức bán cổ phiếu qua sàn của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

**17. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty mẹ đã đánh giá các khoản đầu tư dài hạn và trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

Chi tiết như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Dự phòng đầu tư vào Công ty con</b>		
Công ty TNHH Khảo sát Địa Vật lý PTSC CGGV	86.925.832.711	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi PTSC	285.581.000.000	285.581.000.000
	<b>372.506.832.711</b>	<b>285.581.000.000</b>
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Dự phòng đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh</b>		
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí	38.650.845.582	49.772.465.642
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà	-	1.315.069.171
	<b>38.650.845.582</b>	<b>51.087.534.813</b>

500-02  
 NHÃN  
 NG TY  
 KIỂM NH  
 QUIT  
 T NAM  
 HO

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

**Báo cáo tài chính riêng**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Dự phòng đầu tư dài hạn khác</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	-	10.329.990.000
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	468.757.619	485.276.668
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	6.400.000.000	6.600.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	-	15.032.231.500
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam	-	2.815.343.710
	<u>6.868.757.619</u>	<u>35.262.841.878</u>

Chi tiết biến động trong năm của các khoản dự phòng đầu tư tài chính như sau:

	Đầu tư vào công ty con	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	Đầu tư dài hạn khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	285.581.000.000	51.087.534.813	35.262.841.878	371.931.376.691
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	86.925.832.711	-	8.014.062.247	94.939.894.958
Hoàn nhập dự phòng	-	(12.436.689.231)	(661.957.589)	(13.098.646.820)
Sử dụng dự phòng để bù đắp giá trị khoản đầu tư đã thoái vốn	-	-	(35.746.188.917)	(35.746.188.917)
Tại ngày 31/12/2015	<u>372.506.832.711</u>	<u>38.650.845.582</u>	<u>6.868.757.619</u>	<u>418.026.435.912</u>

**18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty mẹ ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	10.547.386.904	(2.774.094.054)	7.773.292.850
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	21.903.713.096	(2.127.172.993)	19.776.540.103
Tại ngày 31/12/2014	32.451.100.000	(4.901.267.047)	27.549.832.953
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	27.577.274.840	3.648.628.748	31.225.903.588
Tại ngày 31/12/2015	<u>60.028.374.840</u>	<u>(1.252.638.299)</u>	<u>58.775.736.541</u>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được bù trừ cho mục đích trình bày báo cáo tài chính riêng.

*MOK*

25/12/2015  
 G TY  
 IN  
 THU  
 HI  
 AM  
 CH  
 HAN  
 HAN



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

**Báo cáo tài chính riêng**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí công trình Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1	52.438.032.663	96.572.281.670
Lãi vay phải trả các Tổ chức tín dụng	8.315.830.755	14.142.028.031
Lãi trả chậm phải trả PVEP do nhận chuyển nhượng tàu Bình Minh 02	9.940.190.266	13.253.587.022
Chi phí dự phòng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1	231.128.430.307	147.505.000.000
Chi phí thực hiện dự án PVN12	66.026.497.541	41.080.884.797
Chi phí dự án Nạo vét Cảng Nghi Sơn	10.740.479.804	37.146.692.300
Chi phí các gói thầu trong dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn	163.918.130.462	175.744.061.316
Chi phí gói dự án Thái Bình Hàm Rồng	-	12.556.047.113
Chi phí liên quan đến cung cấp dịch vụ cho Talisman	18.230.727.912	41.444.878.536
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho Biển Đông POC	15.513.795.645	-
Giá vốn Dự án NPK	15.476.352.091	-
Giá vốn Dự án NH3	28.134.735.905	-
Giá vốn Dự án GPP Cà Mau	1.889.144.760	-
Giá vốn tàu SK Proactive DA13-0001A	6.760.527.913	-
Chi phí phải trả khác	28.979.932.756	62.344.268.363
	<b>657.492.808.780</b>	<b>641.789.729.148</b>

**22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	349.068.201.763	382.752.004.016
Phải trả cổ tức các cổ đông	7.347.111.773	6.814.682.773
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (ii)	49.783.999.702	40.518.408.320
Tổng công ty Công nghiệp Tàu Thủy (Vinashin) (iii)	402.177.441.565	400.700.531.130
Công ty TNHH Cảng Thanh Hóa	-	39.338.750.137
Lương, thưởng phải trả người lao động	7.478.000.000	36.106.538.139
Tổng công ty Xây dựng Đường Thủy (ii)	58.209.744.759	55.561.395.338
Nordic Maritime Pte Ltd	6.762.000.000	6.414.000.000
Công ty Điều hành chung Lam Sơn	-	83.202.468.286
OffShore Ltd	7.552.986.709	7.552.986.709
Các khoản phải trả khác	83.982.365.626	30.669.942.215
	<b>972.361.851.897</b>	<b>1.089.631.707.063</b>

- (i) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm các khoản chính như giá trị chuyển nhượng Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch gồm 355.559.451.500 đồng và cần trừ với các khoản Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam chi hộ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- (ii) Khoản phải trả Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty Xây dựng Đường thủy là khoản phải trả liên quan đến Dự án Nạo vét cảng Nghi Sơn được giữ lại theo thỏa thuận liên danh đã ký kết.
- (iii) Khoản phải trả cho Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy (Vinashin) là khoản thanh toán đợt cuối chi phí đóng mới kho nổi chứa dầu FSO5 mà Công ty mẹ là chủ đầu tư và Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy (Vinashin) là nhà thầu thực hiện.





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
		VND		VND
Vay ngắn hạn	-	-	5.463.872.936	5.463.872.936
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24)	641.452.894.154	641.452.894.154	612.510.194.287	612.510.194.287
	<b>641.452.894.154</b>	<b>641.452.894.154</b>	<b>617.974.067.223</b>	<b>617.974.067.223</b>

**24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
		VND		VND
Đồng Việt Nam	336.037.213.121	336.037.213.121	426.899.596.161	426.899.596.161
Đô la Mỹ	1.120.225.162.795	1.120.225.162.795	1.267.219.319.654	1.267.219.319.654
	<b>1.456.262.375.916</b>	<b>1.456.262.375.916</b>	<b>1.694.118.915.815</b>	<b>1.694.118.915.815</b>

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ từ các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính trong nước với lãi suất từ 4,1%/năm đến 10,6%/năm đối với khoản vay bằng Đồng Việt Nam và từ 1,633%/năm đến 5,65%/năm đối với khoản vay bằng Đô la Mỹ. Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam hoặc bảo đảm bằng tài sản hình thành từ các khoản vay như đã trình bày trong Thuyết minh số 12 hoặc không có bảo đảm. Số dư các khoản vay bằng Đô la Mỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tương đương 49.699.431 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 59.271.250 Đô la Mỹ).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	641.452.894.154	612.510.194.287
Trong năm thứ hai	446.221.300.571	599.369.989.341
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	255.656.866.480	482.238.732.187
Sau năm năm	112.931.314.711	-
	<b>1.456.262.375.916</b>	<b>1.694.118.915.815</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở Thuyết minh số 23)	(641.452.894.154)	(612.510.194.287)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>814.809.481.762</b>	<b>1.081.608.721.528</b>

2500  
NHÀ  
NG  
HIỆM  
OIT  
T N  
TP. H

*Handwritten signature*

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

**Báo cáo tài chính riêng**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***25. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

<b>Cổ phần.</b>	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	446.700.421	446.700.421
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	446.700.421	446.700.421
Số lượng cổ phần đang lưu hành	446.700.421	446.700.421

Công ty mẹ chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty mẹ. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty mẹ.

Chi tiết vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty mẹ là 4.467.004.210.000 đồng (năm 2014: 4.467.004.210.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	%	VND	%	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	51,38	2.295.000.000.000	51,38	2.295.000.000.000
Công ty TNHH Vina Capital	5,53	249.755.220.000	6,12	273.403.700.000
Corporate Financial Việt Nam				
Nhóm quỹ FTIF-Templeton	5,03	224.871.740.000	5,79	258.800.740.000
Frontier Markets				
Vốn góp của các cổ đông khác	38,06	1.697.377.250.000	36,71	1.639.799.770.000
	<b>100,00</b>	<b>4.467.004.210.000</b>	<b>100,00</b>	<b>4.467.004.210.000</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	4.467.004.210.000	39.617.060.000	1.111.628.012.143	203.411.767.990	1.151.630.399.109	6.973.291.449.242
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.199.413.707.687	1.199.413.707.687
Phân phối lợi nhuận	-	-	419.812.726.060	57.581.519.955	(615.589.893.909)	(138.195.647.894)
Kết chuyển quỹ theo hướng dẫn Thông tư 200	-	-	260.993.287.945	(260.993.287.945)	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(536.040.505.200)	(536.040.505.200)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>4.467.004.210.000</b>	<b>39.617.060.000</b>	<b>1.792.434.026.148</b>	<b>-</b>	<b>1.199.413.707.687</b>	<b>7.498.469.003.835</b>
(Trình bày lại)						
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	951.618.981.512	951.618.981.512
Phân phối lợi nhuận	-	-	503.521.970.598	-	(645.280.490.025)	(141.758.519.427)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(536.040.505.200)	(536.040.505.200)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2015</b>	<b>4.467.004.210.000</b>	<b>39.617.060.000</b>	<b>2.295.955.996.746</b>	<b>-</b>	<b>969.711.693.974</b>	<b>7.772.288.960.720</b>

Theo Nghị quyết số 345/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, các cổ đông của Công ty mẹ đã phê duyệt tỷ lệ chia cổ tức của năm 2014 là 12% trên mệnh giá cổ phần với số tiền 536.040.505.200 đồng, trích Quỹ dự phòng tài chính là 59.066.049.761 đồng, trích Quỹ đầu tư phát triển là 444.455.920.837 đồng, trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi là 141.758.519.427 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty mẹ đã thực hiện chi trả cổ tức cho năm 2014 và trích lập các quỹ theo Nghị quyết nêu trên.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Đô la Mỹ (USD)	10.640.625	14.569.102
Đô la Singapore (SGD)	-	117.762
Bảng Anh (GBP)	<u>319.468</u>	<u>2.989</u>

**27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	210.275.510.580	287.123.064.899
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.986.157.411.482	12.462.776.451.770
	<u>12.196.432.922.062</u>	<u>12.749.899.516.669</u>

**28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	196.444.389.617	281.023.901.567
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.071.647.496.023	11.364.915.073.945
	<u>11.268.091.885.640</u>	<u>11.645.938.975.512</u>

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	659.439.015.723	968.665.446.793
Chi phí nhân công	628.292.337.857	677.048.083.265
Chi phí khấu hao tài sản cố định	331.112.907.869	360.170.805.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.679.511.274.512	9.796.293.321.767
Chi phí khác	470.712.675.601	285.548.016.222
	<u>11.769.068.211.562</u>	<u>12.087.725.673.447</u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

**Báo cáo tài chính riêng**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	73.448.083.384	89.510.380.034
Cổ tức, lợi nhuận được chia	728.666.543.067	604.194.875.945
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	45.703.286.508	21.882.959.221
Doanh thu sử dụng vốn nội bộ	-	2.325.948.675
	<u><b>847.817.912.959</b></u>	<u><b>717.914.163.875</b></u>

**31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	34.184.733.035	46.498.400.759
Chênh lệch mua Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà	41.557.748.054	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	38.278.818.096	19.398.915.443
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	56.579.943.831	26.293.988.300
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư	81.841.248.138	(11.662.333.493)
Chi phí tài chính khác	15.149.282.276	33.503.062.295
	<u><b>267.591.773.430</b></u>	<u><b>114.032.033.304</b></u>

**32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	(Trình bày lại) VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí quảng cáo	9.227.964.196	15.112.012.288
Các khoản chi phí bán hàng khác	52.614.824.908	42.653.319.479
	<u><b>61.842.789.104</b></u>	<u><b>57.765.331.767</b></u>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong</b>		
Lương nhân viên quản lý	64.089.724.514	64.644.593.260
Dịch vụ mua ngoài	168.469.388.097	202.969.149.865
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	171.097.635.463	110.357.226.102
	<u><b>403.656.748.074</b></u>	<u><b>377.970.969.227</b></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

**Báo cáo tài chính riêng**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***33. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 (Trình bày lại) VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	7.242.934.469	9.558.914.728
Thu từ phạt, bồi thường	5.385.790.406	2.107.779.064
Hoàn nhập các khoản phải trả liên quan đến Dự án Nhà máy sửa chữa tàu biển Nghi Sơn	-	29.621.687.266
Hoàn nhập các khoản phải trả liên quan đến Dự án Nhà máy đóng tàu Nhơn Trạch	-	18.320.980.480
Hoàn nhập các khoản phải trả liên quan đến Dự án Bến số 1, 2 Cảng Nghi Sơn - Thanh Hóa	39.338.750.137	51.900.455.017
Thu nhập cung cấp nhân sự quản lý cho MVOT	-	10.410.540.000
Chênh lệch đánh giá lại tài sản khi góp vốn	-	-
Thu nhập khác	6.498.299.002	13.004.975.681
	<b>58.465.774.014</b>	<b>134.925.332.236</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Tiền phạt, bồi thường	1.461.979.826	189.139.969
Chi phí thanh lý tài sản cố định	2.894.227.798	1.150.505.850
Hoàn phí bảo hiểm tàu FPSO Ruby II từ 9/6/2010 đến 31/3/2011	4.626.828.036	-
Chi phí xây dựng cơ bản của Dự án 266 Lê Lợi	11.792.020.639	-
Thuế nộp thêm, tiền chậm nộp sau thanh tra	9.813.662.883	-
Các khoản chi phí khác	4.888.069.562	4.710.751.122
	<b>35.476.788.744</b>	<b>6.050.396.941</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>22.988.985.270</b>	<b>128.874.935.295</b>

**34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 (Trình bày lại) VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	1.066.056.624.043	1.400.981.306.029
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(602.311.693.980)	(559.305.485.727)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	198.362.097.754	164.433.899.905
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>662.107.027.817</b>	<b>1.006.109.720.207</b>
Thuế suất thông thường	22%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>145.663.546.119</b>	<b>221.344.138.445</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thuế suất 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên thu nhập chịu thuế.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.009.109.876.140	1.400.303.540.563
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	585.004.462.320	783.569.759.355
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	713.773.186.127	1.283.763.703.962
Sau năm năm	792.884.900.032	491.477.920.487
	<b>2.091.662.548.479</b>	<b>2.558.811.383.804</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty mẹ có các khoản cam kết thuê tàu hoạt động và thuê đất tại Vũng Tàu với mục đích làm văn phòng cho các chi nhánh tại Vũng Tàu không hủy ngang với tổng số tiền thuê là 2.053 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.559 tỷ đồng). Các hợp đồng thuê tàu được ký với thời hạn từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2012. Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu được ký với thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2002.

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty mẹ có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty mẹ gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 23 và số 24 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty mẹ tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản vay	1.456.262.375.916	1.699.582.788.751
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.843.957.664.750	2.886.089.176.704
Nợ thuần	(1.387.695.288.834)	(1.186.506.387.953)
Vốn chủ sở hữu	7.772.288.960.720	7.498.469.003.835
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty mẹ áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 5.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.843.957.664.750	2.886.089.176.704
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.462.245.122.377	5.267.465.066.328
Phải thu về cho vay	28.757.555.368	63.902.830.591
Đầu tư tài chính dài hạn	6.131.242.381	61.020.201.832
Các khoản ký quỹ	2.101.946.485	2.013.463.713
	<b>7.343.193.531.361</b>	<b>8.280.490.739.168</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	1.456.262.375.916	1.699.582.788.751
Phải trả người bán và phải trả khác	3.352.758.008.044	3.671.163.647.135
Chi phí phải trả	657.492.808.780	641.789.729.148
Dự phòng phải trả	69.013.443.890	-
	<b>5.535.526.636.630</b>	<b>6.012.536.165.034</b>

Công ty mẹ chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty mẹ đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty mẹ phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty mẹ.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty mẹ thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty mẹ sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty mẹ quản trị bằng chính sách cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng với các khách hàng theo đối ứng ngoại tệ phải trả cho nhà cung cấp và điều chỉnh linh hoạt giá bán hàng hoặc giá cung cấp dịch vụ khi có sự biến động lớn về tỷ giá.





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	3.308.216.266.458	4.564.714.162.193	2.496.315.446.616	3.184.728.472.857
Bảng Anh (GBP)	30.156.577.071	97.858.222	4.243.143.600	1.997.958.081
Đô la Singapore (SGD)	-	1.866.054.297	-	-

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty mẹ chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty mẹ trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ kế toán và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty mẹ sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	40.595.040.992	68.999.284.467

Dựa trên sự phân tích tương tự cho GBP và SGD thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty mẹ chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty mẹ chịu rủi ro lãi suất khi Công ty mẹ vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty mẹ quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Độ nhạy của lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng 29.125.247.518 đồng (2014: 33.991.655.775 đồng).

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty mẹ chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty mẹ không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty mẹ. Công ty mẹ có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty mẹ có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty mẹ không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau và các bên liên quan.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

**Báo cáo tài chính riêng**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty mẹ quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty mẹ tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty mẹ là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty mẹ duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty mẹ phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty mẹ khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.843.957.664.750	-	-	2.843.957.664.750
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.460.229.775.892	2.015.346.485	-	4.462.245.122.377
Phải thu về cho vay	28.757.555.368	-	-	28.757.555.368
Đầu tư tài chính dài hạn	-	6.131.242.381	-	6.131.242.381
Các khoản ký quỹ	169.600.000	1.932.346.485	-	2.101.946.485
	<b>7.333.114.596.010</b>	<b>10.078.935.351</b>	-	<b>7.343.193.531.361</b>
<b>31/12/2015</b>				
Các khoản vay	641.452.894.154	701.878.167.051	112.931.314.711	1.456.262.375.916
Phải trả người bán và phải trả khác	3.286.478.022.935	66.279.985.109	-	3.352.758.008.044
Chi phí phải trả	657.492.808.780	-	-	657.492.808.780
Dự phòng phải trả	69.013.443.890	-	-	69.013.443.890
	<b>4.654.437.169.759</b>	<b>768.158.152.160</b>	<b>112.931.314.711</b>	<b>5.535.526.636.630</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>2.678.677.426.251</b>	<b>(758.079.216.809)</b>	<b>(112.931.314.711)</b>	<b>1.807.666.894.731</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.886.089.176.704	-	-	2.886.089.176.704
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.267.465.066.328	-	-	5.267.465.066.328
Phải thu về cho vay	36.515.902.584	27.386.928.007	-	63.902.830.591
Đầu tư tài chính dài hạn	-	61.020.201.832	-	61.020.201.832
Các khoản ký quỹ	56.000.000	1.957.463.713	-	2.013.463.713
	<b>8.190.126.145.616</b>	<b>90.364.593.552</b>	-	<b>8.280.490.739.168</b>
<b>31/12/2014</b>				
Các khoản vay	617.974.067.223	1.081.608.721.528	-	1.699.582.788.751
Phải trả người bán và phải trả khác	3.538.615.726.916	132.547.920.219	-	3.671.163.647.135
Chi phí phải trả	641.789.729.148	-	-	641.789.729.148
Dự phòng phải trả	-	-	-	-
	<b>4.798.379.523.287</b>	<b>1.214.156.641.747</b>	-	<b>6.012.536.165.034</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>3.391.746.622.329</b>	<b>(1.123.792.048.195)</b>	-	<b>2.267.954.574.134</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty mẹ có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

D. D.  
 TỔNG  
 GIÁM ĐỐC  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 DỊCH VỤ  
 KỸ THUẬT  
 DẦU KHÍ  
 VIỆT NAM  
 HỒ CHÍ MINH

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Bên liên quan:**

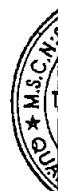
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn  
 Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1  
 Các công ty con trong Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam  
 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  
 Công ty Điều hành dầu khí Biển Đông  
 Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất  
 Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch  
 Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn  
 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam  
 Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam  
 Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí  
 Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí  
 Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam  
 Tổng công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần  
 Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí  
 Tổng công ty Dầu Việt Nam  
 Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần  
 Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần  
 Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí  
 Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần  
 Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí  
 Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần  
 Trường Cao đẳng nghề Dầu khí

**Mối quan hệ**

Công ty trong Tập đoàn  
 Công ty trong Tập đoàn  
 Công ty con  
 Cổ đông chính, công ty mẹ  
 Công ty trong Tập đoàn  
 Công ty trong Tập đoàn  
 Công ty trong Tập đoàn  
 Công ty trong Tập đoàn  
 Công ty trong Tập đoàn  
 Công ty trong Tập đoàn  
 Công ty trong Tập đoàn  
 Công ty trong Tập đoàn  
 Công ty trong Tập đoàn  
 Công ty trong Tập đoàn  
 Công ty trong Tập đoàn  
 Công ty trong Tập đoàn  
 Công ty trong Tập đoàn  
 Công ty trong Tập đoàn  
 Công ty trong Tập đoàn  
 Công ty trong Tập đoàn  
 Công ty trong Tập đoàn  
 Công ty trong Tập đoàn  
 Công ty trong Tập đoàn

Trong năm, Công ty mẹ đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	(Trình bày lại) VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	634.743.699.147	26.673.456.000
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	172.328.109.940	525.171.582.365
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	27.691.665.219	5.023.657.418
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.851.272.402	34.992.092.045
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	1.381.203.946	1.710.828.096
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	91.852.101.816	83.005.491.933
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	5.712.982.546	7.371.576.484
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3.547.565.776	4.878.503.465
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	35.197.352.253	63.568.628.882
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	325.522.243.432	410.530.415.740
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	-	23.649.388.700
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.173.189.897.420	197.944.775.523
Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần	47.370.286.959	-
Các công ty con trong Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	406.317.270.349	502.008.697.966
<b>Chi phí lãi vay</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	12.920.165.857	20.407.436.031



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lương và các khoản thu nhập khác	14.379.173.230	14.798.258.223

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	483.710.619.276	442.519.421.436
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	5.566.640.597	70.647.079.041
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	271.427.900	2.029.885.600
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	21.433.899.415	27.603.042.058
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	2.969.848.022	1.755.787.980
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	508.507.508	2.943.728.937
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	665.253.600	16.985.958.066
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	94.359.446.317	116.345.267.050
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	1.432.781.848
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	-	10.940.863.574
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	156.041.945.539	21.872.407.555
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	588.977.164	8.473.667.561
Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần	73.564.517.895	-
Các công ty con trong Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	161.828.095.085	135.238.338.663
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	40.811.003.545	16.850.156.471
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	12.575.464.419	587.655.082.100
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	124.740.417.492	124.740.417.492
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	230.819.875.570	230.819.875.570
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	90.847.767.158	52.345.374.030
Công ty điều hành Dầu khí Biển Đông	12.624.211.512	-
Các công ty con trong Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	864.405.072.677	1.083.360.134.909
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	1.003.405.822	-
Tổng công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.171.233.209	-
<b>Các khoản phải trả ngắn hạn</b>		
Tổng công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	967.878.780	15.732.300
Các công ty con trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	363.078.110.637	96.318.967.942
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	6.915.130.309	5.356.797.749
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	626.074.012	-
Tổng công ty Dầu Việt Nam	14.118.714.608	3.731.662.119
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	145.554.690.702	66.267.935.110
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	453.878.227	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	627.599.808	-

100  
 10012  
 CHI  
 CỐ  
 RÁCH N  
 DEL  
 VIỆ  
 VJ-T

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

**Báo cáo tài chính riêng**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Các khoản phải trả dài hạn</b>		
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	13.310.399.729	-
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	<u>66.267.935.109</u>	<u>132.535.870.219</u>
<b>Các khoản phải trả khác</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	349.068.201.763	382.752.004.016
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	50.767.888.908	40.518.408.320
Các công ty con trong Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	<u>25.820.702.240</u>	<u>-</u>
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	1.051.381.785.330	1.331.640.082.386
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	244.585.600.839	198.093.992.027
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	312.666.955.829	-
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	-	27.698.260.149
Các công ty con trong Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	<u>-</u>	<u>26.322.999.718</u>
<b>Vay dài hạn</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	<u>314.461.188.271</u>	<u>514.668.152.761</u>

**38. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ**

Tiền mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm số tiền 58.185.829.274 đồng là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 107.304.458.129 đồng). Theo đó, một khoản tiền tương ứng được trả điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tiền thu từ lợi nhuận và cổ tức của các khoản đầu tư không bao gồm số tiền 66.003.000.000 đồng chưa được thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5.536.232.124 đồng); và số tiền lãi dự thu với số tiền là 3.755.514.792 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5.536.232.124 đồng).

Các giao dịch này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển trong năm và vì vậy, không được trình bày trong báo cáo trên đây.

**39. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như:

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**MẪU B 09-DN**

Đơn vị: VND  
 Thay đổi

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC		Theo TT 200/2014/TT-BTC		Theo TT 200/2014/TT-BTC	
		31/12/2014		31/12/2014	
		Số đã báo cáo		Số phân loại lại	
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)</b>					
<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>	<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>		
<b>I. Tài sản</b>			<b>I. Tài sản</b>		
1. Các khoản tương đương tiền	112	1. Các khoản tương đương tiền	112	2.074.700.000.000	Phân loại lại
2. Phải thu khách hàng	131	2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3.082.512.944.652	Đổi tên
3. Trả trước cho người bán	132	3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	289.622.887.866	Phân loại lại và đổi tên
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	36.515.902.584	Phân loại lại và đổi tên
4. Các khoản phải thu khác	135	5. Phải thu ngắn hạn khác	136	2.218.687.730.036	Phân loại lại và đổi tên
5. Hàng tồn kho	141	6. Hàng tồn kho	141	115.500.394.986	Phân loại lại
6. Tài sản ngắn hạn khác	158	7. Tài sản ngắn hạn khác	155		- Phân loại lại và đổi tên
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		8. Trả trước cho người bán dài hạn	212	64.212.715.425	Phân loại lại và đổi tên
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		9. Phải thu về cho vay dài hạn	215	27.386.928.007	Phân loại lại và đổi tên
7. Phải thu dài hạn khác	218	10. Phải thu dài hạn khác	216	7.104.346.491	Phân loại lại và đổi tên
8. Tài sản cố định vô hình	227	11. Tài sản cố định vô hình	227	5.672.865.184	Phân loại lại
- Nguyên giá	228	- Nguyên giá	228	15.537.644.551	Phân loại lại
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		12. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	274.173.592.409	Phân loại lại và đổi tên
9. Đầu tư dài hạn khác	258	13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	96.283.043.710	Phân loại lại và đổi tên
10. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	14. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(371.931.376.691)	Đổi tên
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		15. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	52.036.044	Phân loại lại và đổi tên
11. Tài sản dài hạn khác	268	16. Tài sản dài hạn khác	268		- Phân loại lại

Stamp: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC

Theo TT 200/2014/TT-BTC

Thay đổi

31/12/2014

31/12/2014

Số đã báo cáo

Số phân loại lại

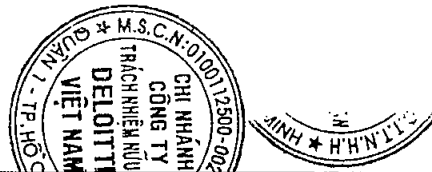
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**II. Nguồn vốn**

1. Phải trả người bán	312	2.462.276.707.818
2. Người mua trả tiền trước	313	1.809.979.384.884
3. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	1.092.522.541.891
4. Vay và nợ ngắn hạn	311	617.974.067.223
5. Phải trả dài hạn người bán	331	132.535.870.219
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		-
6. Vay và nợ dài hạn	334	1.081.608.721.528
7. Vốn điều lệ	411	4.467.004.210.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	417	1.531.440.738.203
9. Quỹ dự phòng tài chính	418	260.993.287.945
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	1.181.320.995.225

**II. Nguồn vốn**

1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	2.455.798.702.626	Phân loại lại và đổi tên
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	780.121.116.300	Phân loại lại và đổi tên
3. Phải trả ngắn hạn khác	319	1.089.631.707.063	Phân loại lại và đổi tên
4. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	617.974.067.223	Đổi tên
5. Phải trả người bán dài hạn	331	132.535.870.219	Đổi tên
6. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	1.029.858.268.584	Phân loại lại và đổi tên
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	1.081.608.721.528	Đổi tên
8. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.467.004.210.000	Đổi tên
9. Quỹ đầu tư phát triển	418	1.792.434.026.148	Phân loại lại
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			Phân loại lại
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.199.413.707.687	Phân loại lại và đổi tên



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**MẪU B 09-DN**

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			Theo TT 200/2014/TT-BTC			Đơn vị: VND
31/12/2014			31/12/2014			Thay đổi
Số đã báo cáo			Số phân loại lại			
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>						
<b>Tên chi tiêu</b>	<b>Mã số</b>		<b>Tên chi tiêu</b>	<b>Mã số</b>		
Các khoản dự phòng	03	1.291.915.101	Các khoản dự phòng	03	148.063.088.826	Phân loại lại
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	19.398.915.443	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	19.398.915.443	Đổi tên
Thay đổi các khoản phải thu	09	(825.717.088.713)	Tăng các khoản phải thu	09	(888.164.139.289)	Phân loại lại và đổi tên
Thay đổi hàng tồn kho	10	28.030.322.360	Giảm hàng tồn kho	10	20.252.675.560	Đổi tên
Thay đổi các khoản phải trả	11	582.405.325.632	Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	479.363.284.281	Phân loại lại và đổi tên
Thay đổi chi phí trả trước	12	3.811.128.782	Giảm chi phí trả trước	12	1.856.649.432	Phân loại lại và đổi tên

Nguyễn Quang Chánh  
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cường  
Kế toán trưởng



Phan Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam *Nên*

